

CHÍNH PHỦ  
Số: 100/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 6 tháng 12 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

*Quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam*

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam,*

NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** Vị trí và chức năng của bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan sự nghiệp thuộc Chính phủ, có chức năng thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là bảo hiểm xã hội) và quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Nhiệm vụ và quyền hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

1. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam và kế hoạch dài hạn, năm năm về thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội

b) Đề án bảo tồn giá trị và tăng trưởng Quỹ Bảo hiểm xã hội;

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội; thu các khoản đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện; chi các khoản trợ cấp về bảo hiểm xã hội cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, thuận tiện, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

3. Cấp các loại sổ, thẻ bảo hiểm xã hội;

4. Quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc tập trung thống nhất theo chế độ tài chính của Nhà nước, hạch toán độc lập và được Nhà nước bảo hộ;

5. Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội; cơ chế quản lý Quỹ, cơ chế quản lý tài chính (kể cả chi phí quản lý bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam) và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

6. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội và nghiệp vụ thu, chi bảo hiểm xã hội theo thẩm quyền; quản lý nội bộ ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
7. Tổ chức hợp đồng với các cơ sở khám, chữa bệnh hợp pháp để phục vụ người có sổ, thẻ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
8. Kiểm tra việc ký hợp đồng và việc thu, chi bảo hiểm xã hội đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động, cá nhân, cơ sở khám chữa bệnh; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan cấp trên của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở khám chữa bệnh để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội;
9. Từ chối việc chi các chế độ bảo hiểm xã hội khi đối tượng tham gia bảo hiểm không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm theo quy định của pháp luật hoặc khi có căn cứ pháp lý về các hành vi giả mạo, khai man hồ sơ để hưởng bảo hiểm;
10. Bồi thường mọi khoản thu, chi sai quy định của pháp luật về chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội;
11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức và cá nhân về việc thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
12. Lưu trữ hồ sơ của đối tượng tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
3. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động bảo hiểm xã hội;
14. Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bảo hiểm xã hội;
15. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội;
16. Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
17. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở Trung ương và địa phương, với các bên tham gia bảo hiểm xã hội để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;
18. Quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; tài chính và tài sản của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của pháp luật;
19. Thực hiện chế độ báo cáo với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Hệ thống tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam được tổ chức và quản lý theo hệ thống dọc, tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, gồm có:

1.Ở Trung ương là Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

2.Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh) trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

3.Ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội huyện) trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh.

**Điều 4.**Nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi là Hội đồng quản lý) giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1.Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc thu, chi, quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội;

2.Thông qua dự toán và quyết toán hàng năm về thu chi Quỹ Bảo hiểm xã hội;

3.Thông qua chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam, kế hoạch dài hạn, năm năm về thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội và các đề án bảo tồn giá trị và tăng trưởng Quỹ Bảo hiểm xã hội do Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi là Tổng giám đốc) xây dựng để Tổng giám đốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; giám sát, kiểm tra Tổng giám đốc thực hiện chiến lược, kế hoạch, đề án sau khi được phê duyệt;

4.Đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

**Điều 5.**Cơ cấu của Hội đồng quản lý.

1.Hội đồng quản lý gồm đại diện lãnh đạo của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Thành viên Hội đồng quản lý đại diện cho cơ quan mình tham gia vào công tác của Hội đồng quản lý, thảo luận, biểu quyết về các công việc của Hội đồng quản lý.

2.Hội đồng quản lý có Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và các thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

**Điều 6.**Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý.

1.Hội đồng quản lý làm việc theo nguyên tắc tập thể; họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

2.Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách khi Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý đề nghị.